

Số: 242 / TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2017

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày

(Từ ngày 12-18/4/2017)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG.

#### 1. Thời tiết trong tuần

Nhiệt độ trung bình: 27,1 - 28,1<sup>0</sup>C. Cao nhất: 33,3<sup>0</sup>C. Thấp nhất: 21,7<sup>0</sup>C,

Độ ẩm trung bình: 78 - 80%. Thấp nhất: 44%.

Lượng mưa: 27 - 106 mm.

Nhận xét: Khu vực Đồng Nai ngày nắng, có nơi nắng nóng, cây trồng sinh trưởng phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Tổng diện tích 14.693,512 ha

Thu hoạch: 12.619,512 ha

Giai đoạn trổ - chín: 2.764 ha

Vụ Hè Thu: Trà sớm đã xuống giống 140 (Tân Phú). Cơ cấu lúa Hè Thu 2017: OM 6162, VNĐ 95-20, OM 4900, OM-CS 2000, IR 59606, ML 48 ...

#### Cây trồng khác

Bắp vụ Đông Xuân: DT 14.307 ha, các giống chủ yếu NK67, NK7328, C6919, CP 333; DK 9901, NK 72, DK6818 giai đoạn thu hoạch.

Rau: DT 4.396,4 ha Các giai đoạn

Đậu đỗ: DT 1.107 ha Giai đoạn thu hoạch

Cây ăn quả: DT 47.598 ha Các giai đoạn

Cây công nghiệp: DT 124.335 ha Các giai đoạn

### II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT (SVH) GÂY HẠI 7 NGÀY QUA

1. **Trên cây lúa:** SVH trong tuần đều giảm so với tuần trước, mức độ nhiễm nhẹ - trung bình do nông dân chủ động phòng chống tốt và lúa Đông Xuân bước vào thu hoạch nên mật độ SVH cũng giảm.

#### 2. Cây trồng khác

- Cây bắp: SVH trong tuần đều giảm so với tuần trước, mức độ nhiễm nhẹ - trung bình do nông dân chủ động phòng chống tốt, riêng bệnh rỉ sắt DTN 12 ha.

- Cây rau: Xuất hiện bệnh vàng lá DTN 14 ha mức độ nhiễm nhẹ - trung bình.

- Cây ăn quả: Nhện đỏ (cây có múi) DTN 162 ha, tăng 12 ha so với tuần trước (SVTT), bệnh thán thư xoài DTN 271 giảm 452 ha (SVTT) mức độ nhiễm nhẹ.

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư (điều) DTN 2.042 ha, giảm 4.510 ha (SVTT) trong đó DT nhiễm nặng 57 ha; bộ xít muối DTN 1.841 ha giảm 817 ha (SVTT). Bệnh chết nhanh (tiêu) DTN 111 ha 16 ha, bệnh chết chậm DTN 632 ha

tăng 8 ha trong đó DT nhiễm nặng 1 ha, tuyến trùng DTN 802 ha, tăng 18 ha trong đó DT nhiễm nặng 1 ha.

### **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Tuy điều kiện thời tiết trời nắng nóng, cần lưu ý các đối tượng SVH chủ yếu có khả năng gia tăng về mật độ, tỷ lệ và diện tích như sau:

- Cây lúa: Chuột và rầy nâu (Vụ Hè Thu sớm). Các SVH có khả năng giảm,
- Cây bắp: Sâu đục trái bắp. Các bệnh trên bắp có khả năng giảm
- Cây ăn quả: Bệnh thối gốc rễ, chảy gôm (sầu riêng); thán thư trái, bông (xoài). Sâu vẽ bùa, nhện đỏ (cây có múi).
- Cây công nghiệp: Chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng - rệp sáp (tiêu), bọ xít muỗi, bệnh thán thư (điều), bệnh khô cành (cà phê).

### **IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

- Cây lúa: Đầu vụ nắng nóng nên thuận lợi cho rầy nâu phát triển do đó cần đặc biệt chú ý theo dõi chặt chẽ trà lúa Hè Thu sớm. Rầy nâu nên tháo nước cạn 2 - 3 ngày cho rầy đẻ trứng sau đó cho nước vào làm thối trứng. Chuột nên dùng biện pháp thủ công.

- Cây bắp: Vệ sinh đồng ruộng thường xuyên. Nên dùng thuốc đặc trị khi SVH có chiều hướng phát triển.

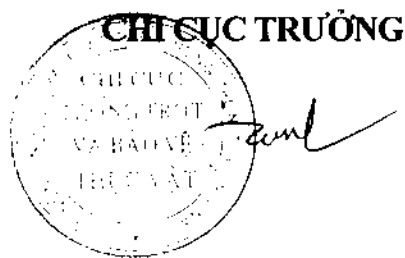
- Cây ăn quả: cắt tia những bộ phận bị bệnh đem tiêu hủy, thực hiện tốt biện pháp vệ sinh đồng ruộng, bón phân cân đối theo yêu cầu từng giai đoạn của cây.

- Cây công nghiệp: Bệnh chết nhanh, chết chậm (tiêu) giữ vườn thông thoáng. Cây điều chủ yếu phòng trừ bệnh thán thư, bọ xít muỗi nếu cây đã đậu trái. Bệnh khô cành (cà phê) nên cắt bỏ những cành bệnh đem tiêu hủy.

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Giám đốc Sở NN và PTNT;
- Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam (Email);
- Ban lãnh đạo Chi cục (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Lâm Sinh

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tuần 16 năm 2017

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỹ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5 - 10		162	0	0	162	0	12.0	95.0	144	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	10		102	0	0	102	0	5.0	77.0	65	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	5 - 10		151	2	0	153	0	30.0	55.0	0	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	SB3	Đậu trái	5 - 10		126	0	0	126	0	28.0	-29.0	50	Xuân Lộc, Thống Nhất, TX Long Khánh, Tân Phú, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 15		151	3	0	154	0	51.0	43.0	0	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn			104	0	0	104	0	6.0	-25.0	0	Thống Nhất
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 8		136	0	0	136	0	-4.0	79.0	19	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Bông lá	3 - 10		107	0	0	107	0	3.0	2.0	0	Cẩm Mỹ, Thống Nhất
	Rầy bông	Ra bông-trái	5 - 10		23	0	0	23	0	3.0	11.0	10	Xuân Lộc, Thống Nhất
	Bệnh nấm hồng	Bông trái	15 - 20		18	0	0	18	0	-1.0	-67.0	0	Thống Nhất, Cẩm Mỹ
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	5 - 10		46	2	0	48	0	18.0	38.0	32	Xuân Lộc, Trảng Bom
Xoài	Bệnh thán thư	Nuôi trái	7 - 10		271	0	0	271	0	-452.0	250.0	258	Định Quán, Vĩnh Cửu

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tuần 16 năm 2017

	Bọ trĩ	Bông	7		0	200	0	200	0	0.0	20.0	150	Xuân Lộc
	Rệp sáp	Bông-trái	5 - 6		70	0	0	70	0	-35.0	64.0	33	Vĩnh Cửu, Định Quán
	Ruồi đục quả	Trái già chín	8		39	0	0	39	0	7.0	12.0	30	Vĩnh Cửu
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc, ra bông	10 - 15		28	0	0	28	0	-1.0	-2.0	0	Thống Nhất, Tân Phú, Trảng Bom
Cà phê	Rệp sáp	Ra hoa-trái non	10 - 15		687	18	0	705	0	25.0	-225.0	302	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh gi sắt	Các giai đoạn	15 - 20		473	8	0	481	0	-155.0	364.0	3	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	10 - 15		276	4	0	280	0	76.0	-128.0	55	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		140	3	0	143	0	4.0	84.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Xén tóc đục thân		8		79	0	0	79	0	4.0	68.0	0	Cẩm Mỹ
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	5 - 20		279	2	0	281	0	20.0	4.0	73	Cẩm Mỹ, Long Thành, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 20		87	1	0	88	0	18.0	-135.0	0	Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom, Cẩm Mỹ
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn	5		25	4	0	29	0	12.0	13.0	0	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh rụng lá	Các giai đoạn	5		20	1	0	21	0	17.0	19.0	0	Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Bệnh thán thư	bông-trái - thu hoạch	7 - 21	11 - 30	1866	119	57	2042	0	-451.0	1,046.0	993	Định Quán, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất, Nhơn

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tuần 16 năm 2017

													Trạch, Vĩnh Cửu
	Bọ xít muỗi	Bông-trái- thu hoạch	10 - 20	15 - 20	1796	45	0	1841	0	-60.0	817.0	921	Long Thành, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Nhơn Trạch
	Bọ trĩ	Bông-trái- thu hoạch	5 - 10		566	4	0	570	0	-440.0	-407.0	100	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 10		120	3	0	123	0	23.0	57.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh tuyến trùng	Thu hoạch	5 - 10	22	477	324	1	802	0	18.0	91.0	130	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh chết chậm	Thu hoạch	3 - 5	15	337	294	1	632	0	8.0	-96.0	56	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
	Bệnh thán thư	Thu hoạch	5 - 10		494	120	0	614	0	24.0	311.0	100	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Long Thành, Thống Nhất
	Rệp sáp	Thu hoạch	5 - 10		158	136	0	294	0	-9.0	-203.0	97	Xuân Lộc, Tân Phú, Trảng Bom, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 3	8	109	2	0	111	0	16.0	65.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất, Tân Phú
Sắn (Mi)	Nhện đỏ	Nuôi củ	5 - 10		106.5	0.5	0	107	0	-2.0	100.0	0	Xuân Lộc, Trảng Bom
	Đóm nâu	Các giai đoạn	5		5	1	0	6	0	4.0	6.0	0	Trảng Bom
	Bệnh lở cổ rễ	Thu hoạch			0	0	0	0	0	0.0	0.0	0	
	Bệnh vi khuẩn	Thu hoạch			0	0	0	0	0	0.0	0.0	0	
Ngô (Bắp)	Sâu đục thân,	Chín sữa	5 - 10		21	0	0	21	0	-2.0	21.0	15	Định Quán, Thống Nhất

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tuần 16 năm 2017

	bấp												
	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn	15		11	1	0	12	0	12.0	12.0	0	Trảng Bom
	Đốm lá lớn	Trở cờ	5		8	0	0	8	0	-3.0	8.0	0	Thống Nhất
	Rệp ngô	Trở cờ	15		7	0	0	7	0	-31.0	7.0	0	Thống Nhất
Lúa	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đông trở	10		150	0	0	150	0	0.0	104.0	0	Tân Phú
	Rầy nâu	Đông trở	20 - 1000		90	0	0	90	0	-22.0	90.0	0	Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất
	Ốc bươu vàng	chín	1 - 3		49	1	0	50	0	46.0	10.0	0	Trảng Bom, Thống Nhất
Bầu bí	Ruồi đục quả	Đậu trái	5 - 10		36	0	0	36	0	-3.0	31.0	53	Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch
	Bọ trĩ	Cây con	20		8	0	0	8	0	-5.0	-8.0	0	Thống Nhất
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh sương mai	Các giai đoạn	5 - 10		7	2	0	9	0	6.0	-3.0	2	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Đậu trái	5 - 10		8.5	0.5	0	9	0	3.0	2.0	7	Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom
Mướp đắng (khô qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		12	2	0	14	0	14.0	-2.0	0	Trảng Bom
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	15		7	0	0	7	0	0.0	7.0	7	TP Biên Hòa, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Đậu trái	5 - 10		6.5	0.5	0	7	0	1.0	1.0	4	Nhơn Trạch, Trảng Bom, Long Thành
Rau cải ăn lá	Bọ nháy	Các giai đoạn	10 - 15		16	0	0	16	0	-2.0	4.0	5	Thống Nhất, TP Biên Hòa, Trảng Bom
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	15		9	0	0	9	0	-5.0	7.0	4	Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Sâu tơ	Các giai đoạn	5 - 15		7	0	0	7	0	-3.0	3.5	2	Thống Nhất, TP Biên Hòa, Trảng Bom